

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày: 01-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST - KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng P

Địa chỉ: Số A, phố C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng P.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn B, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình. (Theo giấy ủy quyền số 2267/GUQ.NHPT-PC ngày 29/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng P về việc ủy quyền tham gia tố tụng, thi hành án tại Tòa án, cơ quan Thi hành án).

- Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Y, Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình. Địa chỉ: phố L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Theo giấy ủy quyền số 164/GUQ-NHPT-TBI ngày 27/3/2020 của giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Viết H – Luật sư Văn phòng luật sư Công Lý Hà Nội thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tòa nhà G, B đường P, quận N, Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S

Địa chỉ: Số y, phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H1, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Trung T1, sinh năm 1956, Địa chỉ: đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Thực hiện chính sách về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trên địa bàn, Cục Đầu tư P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) đã đồng ý cho Công ty X (nay là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S gọi tắt là Công ty S) vay vốn để thực hiện dự án “Bổ sung phương tiện, thiết bị thi công xây lắp”. Trong quá trình vay vốn, Công ty S đã vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể như sau:

Về Hợp đồng tín dụng:

a/ Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997 ký giữa Bên cho vay : Cục Đầu tư P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) và Bên vay: Công ty X với các nội dung như sau: Kế hoạch đầu tư năm 1997 được duyệt là: 1.000 triệu đồng. Thông báo cho vay năm 1997: 1.000 triệu đồng. Mục đích: vốn vay dùng để mua sắm thiết bị thi công và phương tiện vận tải theo đúng danh mục trong dự án được duyệt và bản đăng ký danh mục đầu tư năm 1997. Lãi suất tiền vay: 0,81%/tháng. Thời hạn vay, trả nợ: Thời hạn vay vốn 64 tháng, bắt đầu vay từ tháng 6/1997. Thời hạn trả nợ gốc 60 tháng, bắt đầu trả từ tháng 10/1997. Mức trả nợ gốc: 17 triệu đồng/tháng. Lãi vay trả hàng quý,

bắt đầu trả từ quý II/1997. Thực hiện Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước đã ký, Cục Đầu tư P Thái Bình đã thực hiện giải ngân vốn vay với tổng số tiền giải ngân là 984.500.000 đồng và Công ty X đều ký nhận vào khế ước nhận nợ

b/ Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998 ký giữa Bên cho vay: Cục Đầu tư P Thái Bình và Bên vay: Công ty X với các nội dung như sau : Kế hoạch đầu tư năm 1998 được duyệt: 1.000 triệu đồng. Thông báo cho vay năm 1998: 1.000 triệu đồng. Mục đích: vốn vay dùng để mua sắm phương tiện, thiết bị thi công xây lắp theo dự án được duyệt. Lãi suất tiền vay: 0,81%/tháng. Thời hạn vay , trả nợ: Thời hạn vay vốn 66 tháng, bắt đầu từ tháng 7/1998. Thời hạn trả nợ gốc 60 tháng, bắt đầu trả từ tháng 01/1999. Mức trả nợ gốc: 17 triệu đồng/tháng. Lãi vay trả hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 7/1998. Thực hiện Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước đã ký, Cục Đầu tư P Thái Bình đã thực hiện giải ngân vốn vay với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và Công ty X đều ký nhận vào khế ước nhận nợ.

c/ Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước số 07-PL/HĐTD ngày 28/02/2005 ký giữa Bên cho vay : Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình và Bên vay : Công ty X với nội dung: sửa đổi tên của bên vay vốn tại Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD và Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD từ “Công ty X” thành “Công ty X1”.

d/ Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005 ký giữa Bên cho vay : Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình và Bên vay: Công ty S với nội dung: Công ty S nhận lại toàn bộ số nợ (gốc và lãi) vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước của Công ty X tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997, Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước số 07-PL/HĐTD ngày 28/02/2005, với các nội dung như sau:

- Số tiền vay: nhận lại toàn bộ số nợ (gốc và lãi) vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước từ Công ty X tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình như sau: Tổng số dư nợ vay (nợ gốc) đến ngày nhận nợ là : 563.993.000 đồng. Tổng số lãi phát sinh chưa trả đến ngày nhận nợ là: 368.890.900 đồng. Lãi suất vay: Lãi suất vay vốn: 0,81%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; Lãi suất cho vay được giữ nguyên trong suốt thời hạn vay của dự án. Trả nợ gốc: Số dư

nợ gốc 563.993.000 đồng đã quá hạn 100%. Trả lãi: Kỳ hạn trả lãi theo kỳ hạn trả nợ gốc; Số lãi phải trả là số lãi phát sinh chưa trả đến ngày nhận nợ (368.890.900 đồng) và số lãi phát sinh hàng tháng trên dư nợ vay thực tế.

- Bảo đảm tiền vay: Bên vay vốn cam kết dùng hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư (quy định trong Hợp đồng bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư). Nếu Bên vay không trả hoặc không trả đủ nợ vay theo Hợp đồng tín dụng và không được xem xét gia hạn nợ thì Bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay để thu hồi nợ vay (gốc + lãi). Bên vay vốn chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ vay.

Thực hiện Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước đã ký, Công ty S đã ký nhận vào khế ước nhận nợ vay, nhận lại toàn bộ số nợ (gốc và lãi) vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước của Công ty X tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình.

Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

- Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty X (nay là Công ty S) và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình); Phụ lục hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2007/PL/HĐTC ngày 28/09/2007 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty S và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình với một số nội dung sau:

- Tài sản thế chấp, bao gồm: Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1001); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1688); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1692); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1698); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1699); Tàu thủy trọng tải 150 tấn (biển đăng ký TB 0079); 02 máy nâng hàng; 600 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 cầu thiếu nhi; 600 m<sup>2</sup> giàn giáo tuýp; 02 máy đầm Mika; 03 máy đầm dùi; 03 máy đầm bàn; 05 máy trộn bê tông; 05 máy trộn vữa; 01 Đầm MKT; 450 m<sup>2</sup> giàn giáo tuýp; 210 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 máy thủy chuẩn. Tổng giá trị còn lại của các tài sản trên được hai bên thống nhất xác định tại thời điểm 31/12/2003 là 1.009.732.000 đồng. Mục đích bảo đảm: Bên thế chấp đồng ý thế chấp cho Bên nhận thế chấp các tài sản liệt kê ở trên để bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ nợ gốc, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư. Nghĩa vụ của Bên thế chấp: Thực hiện đăng ký thế chấp hợp đồng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Giao toàn bộ giấy tờ gốc có liên quan đến tài sản bảo đảm cho Bên nhận thế chấp ngay sau khi ký kết Hợp đồng này. Xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bên thế chấp không trả được nợ trong thời

gian vay vốn theo Hợp đồng tín dụng mà không được gia hạn nợ thì xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc và lãi.

\* Về vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty S (trước đây là Công ty X):

- Về Vi phạm Hợp đồng tín dụng:

- Đối với việc trả nợ gốc: Công ty X đã vi phạm thỏa thuận tại Khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997 và Khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay vốn tín dụng Nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998, cụ thể: Thực tế việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc như sau: Từ tháng 10/1997 đến tháng 11/1998 Công ty X thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD đã ký; Từ tháng 12/1998 đến tháng 09/2005 Công ty X không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký; Công ty S đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005: Từ tháng 10/2005 đến tháng 12/2011 Công ty S không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; Từ tháng 01/2012 đến nay Công ty S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với việc trả nợ lãi: Công ty X đã vi phạm thỏa thuận tại Khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997 và Khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay vốn tín dụng Nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998, cụ thể: Từ tháng 07/1997 đến tháng 09/2005 Công ty X không thực hiện/thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký; Công ty S đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005: Kỳ hạn trả lãi theo kỳ hạn trả nợ gốc; Số lãi phải trả ngay là 368.890.900 đồng và số lãi phát sinh hàng tháng trên dư nợ vay thực tế”. Từ tháng 10/2005 (ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng số 19/2005/HĐTD-ĐF) đến nay Công ty S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi. Hàng tháng Ngân hàng đều có lập biên bản làm việc chốt gốc và lãi đối với Công ty S.

Như vậy: Công ty S (trước đây là Công ty X) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997; Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998; Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước số 07-PL/HĐTD ngày 28/02/2005; Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005.

- Vi phạm Hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005, Phụ lục hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2007/PL/HĐTC ngày 28/9/2007, cụ thể: Công ty S không thực hiện đăng ký thế chấp hợp đồng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty S không giao giấy tờ gốc liên quan đến tài sản bảo đảm cho Chi nhánh để lưu giữ, quản lý theo quy định. Công ty S không phối hợp với Chi nhánh trong việc thực hiện kiểm tra tài sản thế chấp.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm: Trả toàn bộ nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng, nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng, tổng: 1.364.042.174 đồng. Và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 theo lãi quá hạn của số tiền gốc các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Áp dụng biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005. Tiền bán tài sản thế chấp dùng để thanh toán các chi phí xử lý tài sản bảo đảm, trả nợ gốc, lãi vay cho Ngân hàng P, nếu còn thiếu thì Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P đối với nghĩa vụ còn chưa được thanh toán.

2. Bị đơn ông Trần Xuân H1 – Đại diện Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S trình bày: Ông nhất trí với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Vì hiện nay Công ty S làm ăn thua lỗ không có điều kiện để thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy ông đề nghị Ngân hàng cho Công ty S thực hiện việc trả nợ gốc từ khi bản án (quyết định) có hiệu lực đến ngày 31/12/2022. Công ty S xin toàn bộ số tiền lãi, vì hiện nay Công ty S chưa có nguồn gì để khắc phục hậu quả. Đối với tài sản thế chấp là các ô tô và tàu thủy do khi công ty mua là đồ đã qua sử dụng, do vậy đến nay đều đã hết khấu hao và không còn sử dụng được. Tàu thủy, ô tô Công ty đã bán cho người mua sắt vụn ông không nhớ tên người mua (khi bán công ty không báo cáo ngân hàng). Các tài sản còn lại công ty mua mới 100% nhưng đến nay do thời gian sử dụng quá lâu (mua năm 1996-1997) nên đến nay toàn bộ các tài sản thế chấp cho Ngân hàng P đều không còn.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung T1 trình bày: Tháng 6/2005 ông có mua của Công ty S 01 tàu thủy đã được đăng ký sang tên đổi chủ và ông là người được sở hữu tàu này. Đến nay ông đã bán tàu trên cho người khác để người đó bán sắt vụn. Việc ông mua bán là hoàn toàn hợp pháp, có nộp thuế, có đăng ký nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết gì đối với chiếc tàu trên.

\* Ông Trần Viết H - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Ông nhất trí hoàn toàn với nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 1.364.042.174 đồng trong đó nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng, nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng. Và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Áp dụng biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 131, 133, 295, 346, 347, 359 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ vào khoản 2 Điều 54, khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Căn cứ vào Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P: Buộc Công ty S phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005, tính đến ngày 01/6/2021 tổng cộng là 1.364.042.174 đồng trong đó: Nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng, nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P, thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ tại Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005; Phụ lục hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2007/PL/HĐTC ngày 28/09/2007 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình đối với các tài sản thế chấp, bao gồm: 02 máy nâng hàng; 600 m<sup>2</sup> cốp

pha định hình; 01 cầu thiếu nhi; 600 m<sup>2</sup> dàn giáo tuýp; 02 máy đầm Mika; 03 máy đầm dùi; 03 máy đầm bàn; 05 máy trộn bê tông; 05 máy trộn vữa; 01 Đầm MKT; 450 m<sup>2</sup> giàn giáo tuýp; 210 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 máy thủy chuẩn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 tàu thủy, biển đăng ký TB 0079; Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1001); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1688); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1692); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1698); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1699). Về án phí: Công ty S phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình giải quyết buộc Công ty S phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi theo các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng P và Công ty S đều có đăng ký kinh doanh, bị đơn có trụ sở tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình do vậy xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi Công ty S vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã thường xuyên làm việc chót nợ với Công ty S và tại Phiếu đối chiếu cho vay TD ĐT dài hạn năm 2018 ngày 04/01/2019 thể hiện Ngân hàng và Công ty S thống nhất về nghĩa vụ trả nợ của Công ty S đến ngày 31/12/2018 là: nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng, lãi phải trả là 1.000.394.563 đồng. Do vậy đến ngày 04/01/2019 thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại nên việc Ngân hàng khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:



[4.1] Đối với các hợp đồng tín dụng: Các hợp đồng tín dụng trên đều được các bên tự nguyện giao kết, không vi phạm điều cấm của luật. Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty S qua các khế ước nhận nợ. Và được ký kết lại bằng Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005 ký giữa Bên cho vay: Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) và Bên vay : Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S với nội dung: Công ty S nhận lại toàn bộ số nợ (gốc và lãi) vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước của Công ty X tại Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1997 số 01/HĐTD ngày 09/6/1997, Hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước năm 1998 số 01-19/HĐTD ngày 16/7/1998 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng cho vay vốn tín dụng nhà nước số 07-PL/HĐTD ngày 28/02/2005, với tổng số dư nợ vay (nợ gốc) đến ngày nhận nợ là : 563.993.000 đồng. Tổng số lãi phát sinh chưa trả đến ngày nhận nợ là: 368.890.900 đồng. Lãi suất vay: Lãi suất vay vốn: 0,81%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn ; Lãi suất cho vay được giữ nguyên trong suốt thời hạn vay của dự án . Công ty S đã trả được số tiền 286.286.200 đồng còn nợ lại: Nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng, nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng, tổng: 1.364.042.174 đồng.

Việc cho vay tiền của Ngân hàng P và áp dụng mức lãi suất phù hợp quy định tại Quyết định 546/2002 /QĐ-NHNN ngày 30/5/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy cần áp dụng Điều 295 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 54, khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P buộc Công ty S phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 01/6/2021 gồm: Nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng; Nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng. Tổng: 1.364.042.174 đồng. Và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay.

[4.2]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy:

[4.2.1]. Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty X (nay là Công ty S) và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình); Phụ lục hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2007/PL/HĐTC ngày 28/09/2007 đã ký giữa

Bên thế chấp: Công ty S và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình được lập thành văn bản, pháp luật không quy định phải công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về việc công chứng, chứng thực phù hợp với quy định tại Điều 10 Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ.

Và hợp đồng này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ là:

“Điều 14. Trường hợp bên bảo đảm là pháp nhân được tổ chức lại:

...3. Đối với giao dịch bảo đảm được xác lập trước khi tổ chức lại pháp nhân và còn thời hạn thực hiện thì các bên không phải ký kết lại giao dịch đó. Các bên có thể lập văn bản ghi nhận về việc thay đổi bên bảo đảm...”

[4.2.2]. Đối với tài sản thế chấp là 01 tàu thủy biển đăng ký TB 0079, Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1001); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1688); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1692); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1698); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1699). Phần hợp đồng thế chấp trên là các tài sản có đăng ký quyền sở hữu nhưng Công ty S không thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm vi phạm điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ quy định:

Điều 2. Đối tượng đăng ký

1. Những trường hợp sau đây phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm:

a) Việc cầm cố, thế chấp tài sản mà pháp luật quy định tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu;...

Điều 16 Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ quy định:

“Điều 16. Hiệu lực của giao dịch bảo đảm

1. Giao dịch bảo đảm có hiệu lực kể từ thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản. Trong trường hợp giao dịch bảo đảm phải đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, thì giao dịch này có hiệu lực từ thời điểm đăng ký..”

[4.2.3]. Do vậy phần Hợp đồng thế chấp tài sản là 01 tàu thủy biển đăng ký TB 0079, Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1001); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1688); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1692); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1698); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1699) không phát sinh hiệu lực nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với phần hợp đồng thế chấp này.

[4.2.4]. Theo Công văn số 524/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Bình thể hiện: Ngày 20/6/2005 Công ty xây lắp 3 đã bán cho ông Trần Trung T1 01 tàu thủy biển đăng ký TB 0079, ngày 27/12/2005 Sở giao thông vận tải Thái Bình đã cấp lại đăng ký phương tiện thủy nội địa trên cho ông T1. Công ty S đã vi phạm khoản 5 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản. Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc ông T1 mua tàu của Công ty X nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4.2.5]. Công ty S mặc dù đã biết 05 xe ô tô, 01 tàu thủy, các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của ngân hàng, đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng không thực hiện nghĩa vụ của Công ty S là phải thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm, giao các giấy tờ có liên quan cho ngân hàng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Việc công ty tự ý bán tàu thủy trên không báo cáo ngân hàng, các tài sản là ô tô và các tài sản khác đã hết khấu hao nhưng không thay thế bằng tài sản thế chấp khác đã vi phạm các quy định về quản lý tài sản bảo đảm tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và Công ty S phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, ngân hàng về quản lý vốn tín dụng đầu tư của nhà nước.

[4.2.6]. Đối với tài sản thế chấp gồm: 02 máy nâng hàng; 600 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 cầu thiếu nhi; 600 m<sup>2</sup> dàn giáo tuýp; 02 máy đầm Mika; 03 máy đầm dùi; 03 máy đầm bàn; 05 máy trộn bê tông; 05 máy trộn vữa; 01 Đầm MKT; 450 m<sup>2</sup> giàn giáo tuýp; 210 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 máy thủy chuẩn không phải là các tài sản khi thế chấp phải đăng ký giao dịch bảo đảm nên cần chấp nhận phần hợp đồng thế chấp này của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc và lãi.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (564.042.174 đồng x 3% ) = 52.921.000 đồng (làm tròn). Trả lại Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng P đã tự chi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí này nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 131, 133, 295, 346, 347, 359 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ vào khoản 2 Điều 54, khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ; Điều 16 Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ; Căn cứ vào Điều*

7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P:

[1.1]. Buộc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 19/2005/HĐTD-ĐF ngày 01/10/2005, tính đến ngày 01/6/2021 tổng cộng là 1.364.042.174 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi tư triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi tư đồng*) (trong đó: Nợ gốc quá hạn: 277.607.800 đồng; Nợ lãi trong hạn 222.786.499 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/6/2021 là 863.647.875 đồng.)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[1.2] Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P, thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ tại Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước số 01/2005/TCTS ngày 28/02/2005 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty X (nay là Công ty S) và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P Thái Bình (nay là Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình) và Phụ lục hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2007/PL/HĐTC ngày 28/09/2007 đã ký giữa Bên thế chấp: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S và Bên nhận thế chấp: Chi nhánh Ngân hàng P Thái Bình đối với các tài sản thế chấp, bao gồm: 02 máy nâng hàng; 600 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 cầu thiếu nhi; 600 m<sup>2</sup> dàn giáo tuýp; 02 máy đầm Miki; 03 máy đầm dùi; 03 máy đầm bàn; 05 máy trộn bê tông; 05 máy trộn vữa; 01 Đầm MKT; 450 m<sup>2</sup> giàn giáo tuýp; 210 m<sup>2</sup> cốp pha định hình; 01 máy thủy chuẩn.

Tiền bán tài sản thế chấp dùng để thanh toán các chi phí xử lý tài sản bảo đảm, trả nợ gốc, lãi vay cho Ngân hàng P, nếu còn thừa thì Ngân hàng P sẽ chuyển trả cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S, nếu còn thiếu thì Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P đối với nghĩa vụ còn chưa được thanh toán.

[1.3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 tàu thủy, biển đăng ký TB 0079; Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1001); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1688); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1692); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1698); Ô tô IFA ben (biển đăng ký 17K-1699).

[2]. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S phải nộp 52.921.000 đồng (*Năm mươi hai triệu, chín trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng P số tiền 25.909.607 đồng (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm linh chín nghìn, sáu trăm linh bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004989 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/6/2021. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S, ông Trần Trung T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**